

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số:⁰⁴..... /CNDD- BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 2 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
“CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ”
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Vũng Tàu, Tháng 4- 2019



NỘI DUNG BÁO CÁO

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018.	3
II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS.	4
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018.	4
IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY.	5
1) Doanh thu Xây lắp.....	5
2) Hoạt động tài chính.	5
3) Chi phí quản lý doanh nghiệp.	6
4) Kết quả kinh doanh.	6
5) Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ.....	7
6) Về công tác đầu tư:.....	8
7) Thoái vốn tại dự án Bất động sản.....	8
8) Đầu tư tài chính và góp vốn vào các doanh nghiệp khác.....	8
9) Về lao động, tiền lương.....	9
V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 CỦA CÔNG TY.	10
1) Thay đổi vốn chủ sở hữu năm 2018.....	10
2) Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	10
3) Công nợ phải thu.....	11
4) Các khoản phải trả.....	11
VI. NHỮNG VẤN ĐỀ HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CẦN QUAN TÂM XỬ LÝ.	12
1) Một số điểm cần lưu ý trong báo cáo tài chính năm 2018.....	12
2) Công tác thi công xây lắp.....	14
VII. KIẾN NGHỊ.	15
1) Công tác thoái vốn tại các dự án Bất động sản.....	15
2) Công nợ phải thu.....	15
3) Hàng tồn kho.....	15
VIII. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.	17
1) Đối với hội đồng quản trị.....	17
2) Đối với Ban điều hành.....	17
IX. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019.	18

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Căn cứ điểm d, đ mục 2 điều 136 của luật doanh nghiệp số 68/2014/QHXIII và điều 10 của nghị định số 71/2013/NĐ-CP;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 20/7/2018;
- Căn cứ nghị quyết số 45/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 20/7/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí;
- Theo quy chế hoạt động và chương trình công tác trong 2018 của Ban Kiểm soát công ty.

Ban Kiểm soát báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 một số nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018.

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của PVC-IC cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

- 1) Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.
- 2) Giám sát việc thực hiện nội dung nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 trên cơ sở nghị quyết số 45/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 20/7/2018.
- 3) Tham gia một số cuộc họp liên tịch giữa HĐQT- BGD công ty về việc sản xuất kinh doanh năm 2018.
- 4) Các hoạt động kiểm soát nội bộ trong năm 2018.
 - Xem xét, đối chiếu và rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý, trên tinh thần của nghị quyết số 45/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 20/7/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
 - Tiến hành xem xét, rà soát nội dung các báo cáo tài chính hàng quý của công ty, Sau mỗi kỳ báo cáo BKS đều có báo cáo gửi tới HĐQT và ban điều hành công ty trong đó có phân tích rõ về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Trong mỗi báo cáo BKS luôn nêu rõ 02 nội dung chính là: “Những vấn đề cần được HĐQT và Ban giám đốc quan tâm” và “Các kiến nghị của BKS”.
 - Tham gia cùng với ban điều hành công ty soát xét các báo cáo kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang tại thời điểm 1/1/2019 của công ty

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS.

Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của BKS trong năm 2018 Với chi phí là 197.530.909 đồng, trong đó cụ thể như sau:

- Thu nhập của ông **Ngô Văn Tụy**, Trưởng ban kiểm soát số tiền: **173.530.909** đồng, thu nhập bình quân 14.460.909 đồng/tháng.
- Thù lao cho bà **Ngô Thị Thu Hoài**, thành viên không chuyên trách BKS số tiền **12.000.000** đồng, bình quân 1.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao cho bà **Ngô Trúc Vy** (Thành viên không chuyên trách BKS) số tiền **12.000.000** đồng, bình quân 1.000.000 đồng/tháng.

Chi tiết cho từng thành viên BKS xem bảng sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH VỚI KH		Ghi chú
					Số tiền	Tỷ lệ	
	BAN KIỂM SOÁT		203.772.000	197.530.909	-6.241.091	97%	
1	Ngô Văn Tụy	Chuyên trách TBKS	179.772.000	173.530.909	-6.241.091	97%	
2	Ngô Thị Thu Hoài	Kiểm nhiệm TVBKS	12.000.000	12.000.000		100%	
3	Ngô Trúc Vy	Kiểm nhiệm TVBKS	12.000.000	12.000.000		100%	

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã ra nghị quyết số 45/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 20/7/2018 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN		%
				Quý IV-2018	Lũy kế năm	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Vốn điều lệ	Đồng	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	100%
2	Giá trị sản lượng	Đồng	606.000.000.000	435.310.000.000	536.310.000.000	89%
	Nhận thầu xây lắp	Đồng		115.950.000.000	216.950.000.000	
	Đầu tư BĐS	Đồng		319.360.000.000	319.360.000.000	
3	Doanh thu	Đồng	530.000.000.000	437.094.938.283	572.127.073.690	108%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-	12.312.987.823	2.626.647.995	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-	10.221.495.558	535.155.730	
6	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước	Đồng	31.000.000.000	31.405.536.517	49.102.018.714	158%
II	ĐẦU TƯ XDCB	Đồng	255.180.000.000	133.846.082.325	319.360.000.000	125%
1	Đầu tư XDCB và bất động sản	Đồng	255.180.000.000	133.846.082.325	319.360.000.000	125%
2	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	Đồng	-	-	-	
II	CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP					
	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.050.000	7.767.692	5.771.297	72%
	Thu nhập bình quân của CBCNV	Đồng/người/tháng		8.675.577	7.250.154	
	Thu nhập bình quân Lao động thuê ngoài	Đồng/người/tháng		4.898.774	4.722.224	
	Năng suất lao động bình quân	Đồng/người/tháng	8.050.000	697.612.179	300.453.782	
IV	ĐÀO TẠO	Đồng	300.000.000		-	0%
V	LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017		1. Deloitte Vietnam 2. Công ty TNHH kiểm toán Nam Việt		Công ty TNHH kiểm toán Nam Việt	

Năm 2018 là năm thứ 3 liên tiếp Công ty không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo như nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Sản xuất kinh doanh quý IV-1028 có khởi sắc hơn so với 6 tháng đầu năm, giá trị sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng, trong hai năm qua đây là quý đầu tiên không bị lỗ, đó là một trong những cố gắng lớn của ban lãnh đạo công ty.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY.

1) Doanh thu Xây lắp.

Tổng doanh thu năm 2018 đạt: **572.127.073.690** đồng đạt 108% kế hoạch năm.

TT	CHỈ TIÊU	DOANH THU	GIÁ VỐN	LÃI GỘP
1	Doanh thu xây lắp	172.188.111.483	173.950.428.324	(1.762.316.841)
	Công trình nhận từ PVC	58.534.772.117	63.465.294.510	(4.930.522.393)
	Công trình nhận thầu ngoài PVC	113.653.339.366	110.485.133.814	3.168.205.552
2	Doanh thu bất động sản	387.313.382.332	376.855.921.009	10.457.461.323
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.976.729.792	4.460.821.959	2.515.907.833
	Cung cấp bê tông	3.520.654.800	3.520.654.800	-
	Dịch vụ khác	3.456.074.992	940.167.159	2.515.907.833
4	Doanh thu khác	3.696.979.533	923.811.347	2.773.168.186
5	Hoạt động tài chính	1.951.870.550	10.105.934.033	(8.154.063.483)
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	3.203.509.023	(3.203.509.023)
				-
	CỘNG	572.127.073.690	569.500.425.695	2.626.647.995

Doanh thu năm 2018 tăng 86% so với năm 2017, đặc biệt doanh thu xây lắp (Ngành nghề kinh doanh chính của công ty) cũng sụt giảm chỉ bằng 90% so với năm 2017.

Một trong những nguyên nhân làm cho doanh thu tăng cao là việc đầu tư kinh doanh bất động sản đã hoàn thành đến kỳ bàn giao sản phẩm cho khách hàng và đủ điều kiện hạch toán doanh thu, phần doanh thu bất động sản năm 2018 chiếm tỷ trọng 68% tổng doanh thu của công ty.

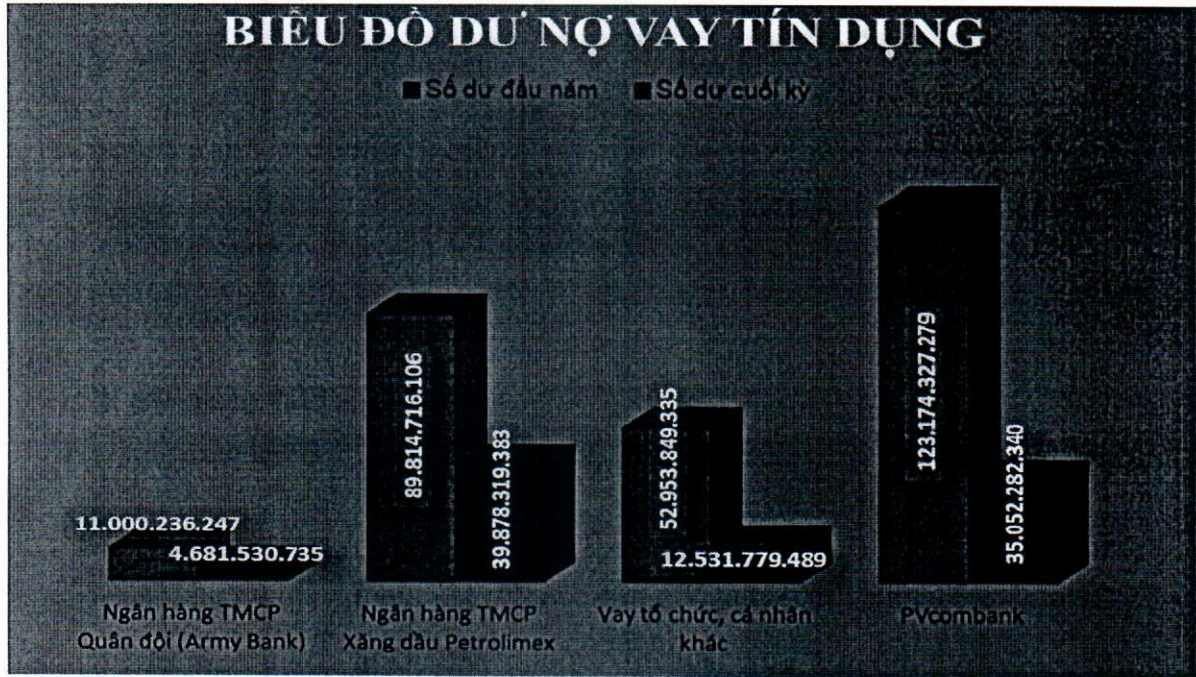
Giá trị dở dang của bất động sản tại thời điểm 31/12/2018 là 339.229.459.435 đồng, chiếm tỷ trọng 68% giá trị hàng hóa tồn kho của công ty.

2) Hoạt động tài chính.

- Dư nợ vay tín dụng tại thời điểm 31/12/2018 của công ty **92.143.911.947** đồng, trong đó cơ cấu như sau:
 - ✓ Dư nợ vay ngắn hạn: 57.091.629.607 đồng, chiếm tỷ trọng 62% tổng dư nợ vay tín dụng.
 - ✓ Dư nợ vay dài hạn: 35.052.282.340 đồng chiếm tỷ trọng 38% tổng dư nợ vay tín dụng.

TT	CHỈ TIÊU	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	SỐ DƯ CUỐI KỲ	TĂNG GIẢM SO VỚI ĐẦU NĂM
1	VAY NGẮN HẠN	153.768.801.688	57.091.629.607	(48.041.507.577) -31%
1.1	Ngân hàng TMCP Quân đội (Army Bank)	11.000.236.247	4.681.530.735	(6.318.705.512) -57%
1.2	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	89.814.716.106	39.878.319.383	(49.936.396.723) -56%
1.3	Vay tổ chức, cá nhân khác	52.953.849.335	12.531.779.489	(40.422.069.846) -76%
				-
2	VAY DÀI HẠN	123.174.327.279	35.052.282.340	(54.755.077.243) -44%
2.1	PVcombank	123.174.327.279	35.052.282.340	(88.122.044.939) -72%
				-
	TỔNG CỘNG	276.943.128.967	92.143.911.947	(102.796.584.820) -37%

- So với thời điểm 1/1/2018 dư nợ vay tín dụng giảm 102.796.584.820 đồng giảm 37%.



3) Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017	TĂNG GIẢM	%
6421	Chi phí nhân viên quản lý	1.245.055.093	9.580.900.975	(8.335.845.882)	-87%
6423	Văn phòng phẩm	33.862.603	517.682.500	(483.819.897)	-93%
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.200.188.549	1.664.869.503	535.319.046	32%
6425	Thuế, phí và lệ phí	259.957.757	1.099.470.848	(839.513.091)	-76%
6426	Dự phòng nợ khó đòi	(1.459.577.950)	4.114.879.278	(5.574.457.228)	-135%
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.358.067	2.317.307.501	(2.062.949.434)	-89%
6428	Chi bằng tiền khác	669.664.904	4.091.753.878	(3.422.088.974)	-84%
		-	-	-	
	TỔNG CHI PHÍ QUẢN LÝ	3.203.509.023	23.386.864.483	(20.183.355.460)	-86%

- Chi phí cho bộ máy quản lý điều hành công ty năm 2018 số tiền 3.203.509.023 đồng, chiếm tỷ trọng 1,86% Doanh thu phần xây lắp.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm 20.183.355.460 đồng so với năm 2017, giảm 86%.

4) Kết quả kinh doanh.

TT	NỘI DUNG	NĂM 2018	NĂM 2017
1	Lợi nhuận từ xây lắp	(1.762.316.841)	(6.409.447.150)
	Công trình nhận từ PVC	(4.930.522.393)	(9.967.308.230)
	Công trình nhận thầu ngoài PVC	3.168.205.552	3.557.861.080
2	Lợi nhuận từ Bất động sản	10.457.461.323	348.397.121
3	Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	2.515.907.833	1.097.844.611
	Cung cấp bê tông	-	268.711.395
	Dịch vụ khác	2.515.907.833	829.133.216
4	Lợi nhuận khác	2.773.168.186	526.751.414
5	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(8.154.063.483)	(16.645.830.989)
6	Lỗ do chi phí quản lý doanh nghiệp:	(3.203.509.023)	(20.780.217.046)
	TỔNG CỘNG	2.626.647.995	(41.862.502.039)

- Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty có thể đánh giá công ty hoàn thành nhiệm vụ về doanh thu.
- Sản xuất kinh doanh có tín hiệu hồi phục, và bắt đầu cắt lỗ.
- Tổng lỗ lũy kế đến 31/12/2018 là (57.024.173.137) đồng so với vốn điều lệ chiếm tỷ trọng 19% vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 còn lại 257.495.020.126 đồng.

5) Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ.

- Năm 2018 Công ty thanh toán và thu hồi về số tiền 572.621.971.137 đồng từ các khoản phải thu của khách hàng, riêng quý IV- 2018 thu được 165.350.654.624 đồng tương đương 29% tổng số tiền thu từ đầu năm.
- Tổng số dư các khoản công nợ phải thu đến ngày 31/12/2018 là 392.344.760.321 đồng, so với số phải thu tại thời điểm 01/1/2018 các khoản phải thu tăng thêm 32.816.707.233 đồng. Trong đó:
 - ✓ Phải thu từ hoạt động xây lắp 275.034.735.870 đồng (Riêng khoản phải thu trong nội bộ PVC số tiền 118.413.885.488), tăng thêm 45.277.665.346 đồng.
 - ✓ Phải thu từ bất động sản số tiền 43.272.003.140 đồng, tăng 9.420.861.799 đồng.
 - ✓ Khoản phải thu khác 3.431.109.914 đồng, trong đó đáng chú ý là khoản phải thu từ hoạt động cung cấp vữa bê tông còn tồn đọng khoản phải thu với số tiền là 1.632.284.770 đồng trong khi xưởng bê tông đã tạm dừng hoạt động được 6 tháng.

TT	CHỈ TIÊU	SỐ DƯ 1/1/2018	SỐ DƯ 31/12/2018	TĂNG GIẢM	
				Số tiền	%
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ XÂY LẬP	191.431.144.695	228.331.622.816	36.900.478.121	19%
1	PHẢI THU NỘI BỘ TCT	115.668.510.219	118.413.885.488	2.745.375.269	2%
1.1	PVC: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	4.876.002.012	10.578.733.444	5.702.731.432	
1.2	PVC: Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1		11.005.957.138	11.005.957.138	
1.3	PVC: Xây dựng âu tàu cửa âu Rạch Chanh	1.942.166.099	828.110.611	(1.114.055.488)	-57%
1.4	PVC :TTPT thí nghiệm & VP Viện dầu khí	49.954.170.476	49.954.170.476	-	0%
1.5	PVC- Viện Dầu khí, GĐ2		986.707.705	986.707.705	
1.6	PVC- PT: Nhà điều hành công ty	6.387.529.566	6.696.681.089	309.151.523	5%
1.7	Cty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	19.565.326.000	12.267.399.100	(7.297.926.900)	
1.8	PVC-SG: Cao ốc Petro Vietnam Landmark TPHCM	26.096.125.925	26.096.125.925	-	0%
1.9	Petroland : TC nhà 34 tầng TT tài chính DK	6.847.190.141		(6.847.190.141)	-100%
2	PHẢI THU TRONG NGÀNH DK	44.271.215.576	67.123.159.176	22.851.943.600	52%
2.1	PV Gas : Đường vào nhà máy LPG	71.488.482	71.488.482	-	0%
2.2	Công ty CP TB nội ngoại thất Dầu Khí	2.068.344.626	2.068.344.626	-	0%
2.3	Petrosetco: 3 block nhà 2,5,6 DA Khu nhà ở, dịch vụ phục vụ liên hợp LHD Nghi Sơn	2.166.446.100		(2.166.446.100)	-100%
2.4	VSP- Tòa nhà ở CBCNV HHI	10.488.517.452	36.283.651.452	25.795.134.000	246%
2.5	VSP- Dự án khu du lịch Hồng Phúc	29.476.418.916	28.699.674.616	(776.744.300)	-3%
3	PHẢI THU NGOÀI NGÀNH DK	31.491.418.900	42.794.578.152	11.303.159.252	36%
B	CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	4.474.784.488	3.431.109.914	(1.043.674.574)	-23%
1	Phải thu từ dịch vụ khác	1.697.491.021	1.798.825.144	101.334.123	6%
2	Phải thu từ cung cấp bê tông	2.777.293.467	1.632.284.770	(1.145.008.697)	-41%
C	PHẢI THU TỪ BẤT ĐỘNG SẢN	33.851.141.341	43.272.003.140	9.420.861.799	28%
	Căn hộ chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh	12.351.141.341	21.772.003.140	9.420.861.799	
	Bất động sản Thanh Bình	21.500.000.000	21.500.000.000	-	
	TỔNG CỘNG	229.757.070.524	275.034.735.870	45.277.665.346	20%

6) Về công tác đầu tư:

6.1. Dự án “**Khu nhà ở Cán bộ công nhân viên PVC-IC**” tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh.

- Công nợ còn phải thu tại thời điểm 31/12/2018 là: **5.152.793.140** đồng, trong đó nợ quá hạn số tiền 1.250.368.000 đồng, trong đó đáng chú ý khoản công nợ từ hai trăm triệu trở lên của các cá nhân như sau.

Lương Thị Hà	216.708.029
Trần Thị Thành Huế	295.322.019
Phạm Văn Thiêng	209.733.151
Nguyễn Đức Thành	210.824.014
Hồ Quyết Thắng - 85 Cổ Bắc - P4 - TP Vũng Tàu	263.856.694
Bùi Thức Hoàng	224.689.228
Bùi Đức Hoàng	276.028.932
Hồ Thị Kim Loan	401.155.870

- Làm chủ quyền cho người mua hoàn thành 369 căn/ 399 căn.

6.2. Dự án “**Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ Văn phòng và căn hộ**” tại số 33A đường 30/4 Vũng Tàu.

a) Chi phí đầu tư cho dự án tính đến 31/12/2018 theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán là: **716.085.380.444** đồng, trong khi đó tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt sau khi trừ VAT còn lại **734.402.384.661** đồng chênh lệch so với tổng mức đầu tư 16.447.293.024. đồng.

b) Công tác bán hàng:

- Khối thương mại đã bán xong và thu tiền 90.800.000.000 đồng/130.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 70% giá trị hợp đồng, số tiền còn phải thu 41.469.962717 đồng.
- Khối căn hộ đến 31/12/2018 bán được 464/486 căn chiếm tỷ lệ 99% số lượng căn hộ của dự án, số tiền thu từ bán căn hộ là 612.298.666.883/688.486.671.764 đồng chiếm tỷ lệ 89% giá trị hợp đồng.
- Trong các hợp đồng bán hàng hiện nay số tiền phải nộp theo tiến độ của hợp đồng đã quá hạn là 5.398.483.267 đồng.

7) Thoái vốn tại dự án Bất động sản.

Dự án “**Khu căn hộ cao cấp Thanh Bình**” tại Phường 10 TP Vũng Tàu, hiện còn phải thu của khách hàng **21.500.000.000** theo như hợp đồng khách hàng sẽ thanh toán sau khi khởi công dự án, nhưng không muộn hơn 2 năm.

8) Đầu tư tài chính và góp vốn vào các doanh nghiệp khác.

Tính đến ngày 31/12/2018 các khoản đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác như sau:

TT	TÊN CÔNG TY	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
1	Góp vốn vào Cty đóng mới & SC phương tiện nội PTSC	2.890.000.000	2.890.000.000
2	PVC-IDICO "Dự án chung cư- Huỳnh Tấn Phát, TPHCM"	12.897.200.000	12.897.200.000
3	Góp vốn vào Công ty CP SX ống thép DK	50.000.000	50.000.000
	CỘNG	15.837.200.000	15.837.200.000

Trong các khoản đầu tư tài chính nêu trên có 02 khoản đầu tư vào “Công ty cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện nội” và “Công ty cổ phần ống thép dầu khí” với giá trị 2.940.000.000 đồng, hiện tại cả hai doanh nghiệp trên không có việc làm và thua lỗ dẫn đến có khả năng mất vốn.

Khoản đầu tư vào dự án “Chung cư Huỳnh Tấn Phát” hiện nay đã hoàn thành và CĐT đã bán được hàng và có khả năng lãi, bảo toàn được vốn đầu tư.

9) Về lao động, tiền lương.

9.1. Tổng số CBCNV hưởng lương bình quân năm 2018 là: 595 người

Trong đó:

- Lao động có hợp đồng từ 1 năm trở lên : 205 người
- Lao động trực tiếp thuê ngoài : 390 người

9.2. Tổng quỹ lương phải trả cho người lao động năm 2018 là: 34.575.670.786 Đồng.

Trong đó:

- Cán bộ công nhân viên : 18.422.120.850
- Lao động thuê ngoài trực tiếp : 16.153.549.936

9.3. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 là: 5.937.458 đồng/Người/tháng,

Trong đó:

- Cán bộ công nhân viên : 8.604.088 Đồng
- Lao động thuê ngoài trực tiếp : 4.535.768 Đồng

Công tác trả lương cho CBCNV: tính đến thời điểm 31/12/2018 công ty đã thanh toán lương đến hết tháng 10/2018 cho CBCNV.

Hiện công ty còn nợ:

- Tiền lương của người lao động số tiền 2.490.014.973 đồng,
- BHXH số tiền 554.730.612 đồng,
- Kinh phí công đoàn 824.114.441 đồng.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 CỦA CÔNG TY.

BKS đã thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nam Việt và thống nhất xác nhận như sau:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018. Kết quả sản xuất kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 1/1/2018 đến 31/12/2018 được trình bày theo đúng quy định hiện hành tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc “Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Báo cáo năm tài chính 2018 bao gồm:

- a) Bảng cân đối kế toán.
- b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- d) Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

(Chi tiết được nêu tại báo cáo tài chính năm 2018)

1) Thay đổi vốn chủ sở hữu năm 2018.

CHỈ TIÊU	31-12-17	31-12-18	TĂNG GIẢM
VỐN CHỦ SỞ HỮU	256.959.864.396	257.495.020.126	535.155.730
Vốn góp của Chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	14.519.193.263	14.519.193.263	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(57.559.328.867)	(57.024.173.137)	535.155.730

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2018 số tiền **257.495.020.126** đồng, tăng thêm 535.155.730 đồng từ nguồn lợi nhuận năm 2018 chưa phân phối.

2) Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.

STT	CHỈ TIÊU	31-12-17	31-12-18	Bình quân Năm 2018
I	CƠ CẤU TÀI SẢN			
1.1	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	4,73%	5,16%	4,45%
1.2	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	95,27%	94,84%	95,55%
II	CƠ CẤU NGUỒN VỐN			
2.1	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	3,70	2,78	3,76
2.2	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	78,70%	73,56%	78,62%
2.3	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	21,30%	26,44%	21,38%
III	KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
3.1	Khả năng thanh toán nhanh (TS Ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,42	0,62	0,44
3.2	Khả năng thanh toán hiện hành TS Ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,21	1,36	1,26

3) Công nợ phải thu.

TT	CHỈ TIÊU	SỐ DƯ 1/1/2018	SỐ DƯ 31/12/2018	TĂNG GIẢM	
				Số tiền	%
1	Phải thu từ khách hàng (131)	229.757.070.524	275.034.735.870	45.277.665.346	20%
2	Phải thu khác (1388)	26.953.656.152	26.809.588.285	(144.067.867)	-1%
3	Tạm ứng cá nhân (141)	2.653.599.217	3.445.765.081	792.165.864	30%
4	Trả trước cho người bán hàng (331)	5.547.734.181	868.600.998	(4.679.133.183)	-84%
5	Phải thu theo tiến độ hợp đồng (337)	129.248.357.473	117.156.732.851	(12.091.624.622)	-9%
6	Phải thu về Bảo hiểm y tế (3384)	425.941.180	494.393.434	68.452.254	16%
7	Phải thu về Bảo hiểm thất nghiệp (3386)	189.404.892	215.221.691	25.816.799	14%
8	Phải thu khác (3388)	24.954.975	17.234.356	(7.720.619)	-31%
	TỔNG CỘNG	394.800.718.594	424.042.272.566	29.241.553.972	7%

Các khoản công nợ phải thu so với đầu năm tăng **29.241.553.972** đồng, trong đó chủ yếu là tăng khoản phải thu từ khách hàng (TK 131).

4) Các khoản phải trả.

TT	CHỈ TIÊU	SỐ DƯ 1/1/2018	SỐ DƯ 31/12/2018	TĂNG GIẢM	
				Số tiền	%
1	Khách hàng ứng trước (131)	140.905.001.919	169.810.150.746	28.905.148.827	21%
2	Phải trả khác (1388)	26.828.645.052	64.548.005	(26.764.097.047)	-100%
3	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (2292)	1.001.732.030	1.001.732.030	-	0%
4	Dự phòng phải thu khó đòi (2293)	47.001.473.049	43.475.030.287	(3.526.442.762)	-8%
5	Phải trả cho người bán hàng (331)	165.253.530.795	201.620.918.139	36.367.387.344	22%
6	Thuế GTGT phải nộp (3331)	16.133.766.390	25.405.385.960	9.271.619.570	
7	Thuế thu nhập cá nhân phải nộp (3335)	296.431.614	288.097.652	(8.333.962)	-3%
8	Thuế nhà đất, tiền thuê đất (3337)	486.897.719		(486.897.719)	
9	Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (3339)	4.061.089.350		(4.061.089.350)	
10	Tiền lương phải trả cho người lao động (334)	1.500.260.060	2.490.014.973	989.754.913	66%
11	Chi phí trích trước (335)	20.622.274.602	31.996.757.234	11.374.482.632	55%
12	Kinh phí công đoàn Phải nộp (3382)	599.143.222	824.114.441	224.971.219	38%
13	Bảo hiểm xã hội phải nộp (3383)	19.704.950	554.730.612	535.025.662	2715%
14	Doanh thu chưa thực hiện (3387)	229.976.170.028	150.773.981.828	(79.202.188.200)	-34%
15	Phải trả khác (3388)	55.180.954.097	40.023.469.215	(15.157.484.882)	-27%
16	Các khoản đi vay ngắn hạn (3411)	153.768.801.688	57.091.629.607	(96.677.172.081)	-63%
17	Các khoản đi vay dài hạn (3412)	123.174.327.279	35.052.282.340	(88.122.044.939)	-72%
	TỔNG CỘNG	986.810.203.844	760.472.843.069	(226.337.360.775)	-23%

Các khoản công nợ phải trả so với đầu năm giảm số tiền 226.337.360.775 đồng, nguyên nhân chủ yếu là do khoản nợ vay ngân hàng giảm từ 276.943.128.967 đồng xuống còn 92.143.911.947 đồng tương ứng với 67% số dư vay đầu năm.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CẦN QUAN TÂM XỬ LÝ.

1) Một số điểm cần lưu ý trong báo cáo tài chính năm 2018.

a) Nguyên vật liệu tồn kho (TK 152).

Số dư nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 ở mức rất cao là 6.960.637.804 đồng, số dư này đã tồn đọng nhiều năm, trong đó:

- Tồn kho tại xưởng bê tông: 2.976.142.165 đồng.
- Tồn kho tại kho văn phòng công ty: 3.984.495.639 đồng.

Xưởng bê tông đã có quyết định ngưng hoạt động từ ngày 1/7/2018 cho đến nay đã 6 tháng, nhưng lượng vật tư tồn kho cần còn tồn dư số tiền 2.976.142.165 đồng, BKS đã có văn bản nhắc nhở nhưng không có ý kiến phản hồi.

BGD công ty cần phải cho phân loại đánh giá lại chất lượng của vật tư trên, những vật tư nào còn sử dụng được thì có kế hoạch điều chuyển cho các dự án đang thi công, vật tư nào không sử dụng được hoặc không có nhu cầu sử dụng được nữa thì cho thanh lý.

b) Giá trị khối lượng xây lắp dở dang (TK 154).

Số dư chi phí xây lắp dở dang tại thời điểm 31/12/2018 số tiền: 494.369.766.447 đồng. Trong đó:

- Chi phí đầu tư BĐS dở dang: 339.229.459.435 đồng.
- Chi phí xây lắp dở dang: 155.140.307.012 đồng.

Đối với chi phí BĐS dở dang (Đầu tư dự án 33A) đến thời điểm 31/12/2018 đã chi số tiền 717.955.091.637/ 733.567.872.227 đồng, chi phí còn lại so với tổng mức đầu tư được duyệt là 16.447.293.024 đồng phục vụ cho các công việc còn lại để hoàn thành bàn giao công trình?

Ban giám đốc công ty cần tiến hành lập kế hoạch rà soát đánh giá lại toàn bộ khối lượng xây lắp dở dang tại các công trình tại thời điểm 1/1/2019 để có đánh giá hoàn thiện hơn về giá trị hàng hóa tồn kho.

c) Công nợ phải thu của khách hàng (TK 131).

Số dư nợ phải thu của khách hàng ngày 31/12/2018 với số tiền 394.800.718.594 đồng, tăng 29.241.553.972 đồng so với đầu năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi số tiền 33.680.560.084 đồng chiếm tỷ lệ 15% công nợ.

d) Khoản ứng trước cho khách hàng (TK 3312).

Số dư tiền ứng trước cho người bán hàng ngày 31/12/2018 số tiền 868.600.998 đồng, giảm 4.679.133.183 so với đầu năm. Trong đó công ty đã phải trích lập dự phòng cho khoản tiền ứng trước nhưng không thu hồi được số tiền 728.185.998 đồng, chi tiết như sau.

TT	TÊN KHÁCH HÀNG Chi tiết công trình	Dự phòng	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	
2	DN Thi công cơ giới Anh Hồng	125.925.136	
4	Cơ sở Tuấn Vinh	20.000.000	
5	Cty TNHH TM-vận tải Minh Hương	27.650.862	
6	Công ty TNHH cơ khí -TM Thái Long	160.650.000	
9	CTy CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	41.000.000	
12	Công ty TNHH Phạm Việt	102.960.000	
	Tổng cộng	728.185.998	-

e) Các khoản phải thu, phải trả khác (TK 1388).

Số dư bù trừ ngày 31/12/2018 thể hiện 26.745.040.280 đồng.

Trong đó:

- Khoản phải thu khác: 26.809.588.285 đồng.
- Khoản phải trả khác: 64.548.005 đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi số tiền 4.667.617.935 đồng.

Một số khoản phải trả khác như tiền mua cổ phần của CBCNV... hiện nay không có đối tượng trả yêu cầu công ty làm thủ tục để hạch toán vào khoản thu nhập khác.

Đặc biệt quỹ an sinh xã hội đã chi từ những năm trước số tiền 1.398.744.424 đồng nhưng không có nguồn.

f) Công nợ tạm ứng cá nhân (TK 141).

Số dư tạm ứng cuối kỳ với số tiền 3.445.765.081 đồng, đây là khoản cá nhân tạm ứng phục vụ thi công xây lắp. Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 579.175.788 đồng, hiện nay còn 4 cá nhân đã thôi việc/ chuyển công tác nhưng vẫn còn nợ số tiền là 1.022.794.802 đồng, Công ty cần có giải pháp để thu hồi số tiền trên.

g) Khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng (TK 337).

Số dư cuối kỳ 117.156.732.851 đồng, thực chất đây là khoản tạm ghi nhận doanh thu khi chưa đầy đủ thủ tục để được Chủ đầu tư/Tổng thầu nghiệm thu công việc xây lắp hoàn thành, khoản công nợ phải thu này chưa chắc chắn và chưa đầy đủ yếu tố hình thành công nợ. Công ty đã trích lập dự phòng 3.819.490.482 đồng.

Công trình cao ốc văn phòng Dragone Tower số dư 7.469.701.728 đồng và công trình Gói thầu xây lắp số 2 PV Shipyard (XL2) số dư 7.719.886.367 đồng. Hai công trình trên đã được bàn giao đưa vào sử dụng đến nay cũng đã trên 5 năm việc vẫn còn số dư phải thu theo tiến độ hợp đồng là không hợp lý, Ban kiểm soát kiến nghị ghi giảm doanh thu cho 02 dự án trên số tiền 15.189.588.095.

2) Công tác thi công xây lắp.

- a) Đối với công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cần phải tập trung hoàn chỉnh hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ pháp lý để quyết toán công trình như:
- Tòa nhà HH1 Của Vietsovpetro số tiền còn phải thu 36.283.651.452 đồng
 - Khu du lịch Hồng Phúc số tiền còn phải thu số tiền 28.699.674.616 đồng.
 - Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt nam tại TP Hồ Chí Minh (Giai đoạn 1 và giai đoạn 2).
- b) Dự án “Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2”.
- HĐQT/BGD cần tiến hành đánh giá, xác định lại một cách chính xác khối lượng xây lắp đã thực hiện tại dự án làm cơ sở triển khai thi công tiếp theo.
 - Phối hợp cùng với PVC nghiên cứu kỹ phụ lục hợp đồng đã ký với PVN, tìm hiểu cơ chế thanh toán để xây dựng lại đơn giá hợp đồng làm cơ sở đánh giá lại tính hiệu quả của dự án,
- c) Dự án “Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1”.
- Kiểm kê, đánh giá, xác định lại một cách chính xác khối lượng xây lắp đã thực hiện tại dự án tránh hiện tượng bỏ quên khối lượng thi công xây lắp.
 - Phối hợp cùng PVC/LLM/SH1PP Xây dựng lại bảng giá hợp đồng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thanh toán và chấm dứt hợp đồng.

VII. KIẾN NGHỊ.

1) Công tác thoái vốn tại các dự án Bất động sản.

Dự án Thanh Bình.

Căn cứ điều 3- “Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất” tại mục 4 có ghi “Đối với các chi phí có liên quan đến dự án như: Chi phí khảo sát địa chất, chi phí lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, thiết kế, lập dự án đầu tư, xây dựng mô hình dự án mà bên A đã và đang thực hiện, Hai bên cùng thỏa thuận ký một hợp đồng dịch vụ hoặc chuyển giao trên cơ sở chi phí hợp lệ.” Đề nghị giám đốc điều hành chỉ đạo các bộ phận có liên quan (Ban QLDA, phòng TCKT) tập hợp các chi phí trên để đàm phán ký hợp đồng chuyển giao cho nhà đầu tư trong quý I- 2019.

2) Công nợ phải thu.

- Một số khoản ứng trước cho người bán từ những năm 2008 đến nay nhưng vẫn không thu hồi được trị giá 778.185.998 đồng,

TT	TÊN KHÁCH HÀNG Chi tiết công trình	Nội dung khoản ứng trước, chi tiết theo công trình, HMCT	Số tiền
1	Công ty TNHH Thảo Truyền	Tạm ứng theo HĐ ngày 25/4/2008	250.000.000
2	DN Thi công cơ giới Anh Hồng	Tạm ứng mua xăng dầu	125.925.136
3	Cơ sở Tuấn Vinh	Công nợ trước năm 2008	20.000.000
4	Cty TNHH TM-vận tải Minh Hương	Tạm ứng mua xăng dầu	27.650.862
5	Công ty TNHH cơ khí -TM Thái Long	Tạm ứng 50% HĐ mua vật tư năm 2009	160.650.000
6	CTy CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	Tạm ứng thuê vận thăng lồng	41.000.000
7	Công ty TNHH Phạm Việt	Tạm ứng 50% GTHĐ số 32/HĐKT	102.960.000
8	Công ty TNHH MTV PT khu Công Nghệ Cao	Tiền đặt cọc cho khu công nghệ cao	50.000.000
	Cộng		778.185.998

- Đề nghị công ty căn cứ quy chế quản lý tài chính để làm rõ trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý hợp đồng và công nợ.
- Một số cán bộ, nhân viên hiện có số dư nợ tạm ứng rất lớn công ty cần có giải pháp thu hồi công nợ trước khi cho chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng.
- Nợ phải thu của xưởng bê tông luôn luôn tồn đọng số tiền 2.660.141.180 đồng đã lâu, đề nghị công ty có biện pháp tạm dừng hoạt động của Xưởng trường bê tông để chuyên phục vụ công tác thu hồi công nợ cho đến khi hoàn thành.

3) Hàng tồn kho.

Vật tư tồn kho hiện nay rất lớn 6.960.637.804 đồng, trong đó riêng xưởng bê tông có lượng hàng hóa tồn kho là 2.976.142.165 đồng, bao gồm các loại vật tư sau:

STT	MÃ VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	01.4035	Xi măng Insee Easy Flow	Tấn	912,23	1.554.600	1.418.152.851	
2	01.5001	Cát bê tông	M3	2.288,40	379.951	869.478.837	
3	01.5005	Đá 1x2	M3	606,36	339.844	206.067.923	
4	01.5157	Đá mi	M3	1.742,11	271.470	472.930.890	
5	01.8008	Dầu DO	Lít	597,20	15.927	9.511.664	
		TỔNG CỘNG				2.976.142.165	

Các khoản phải thu của khách hàng 1.632.284.770 đồng, tổng lượng tiền tồn đọng của xưởng là **4.608.426.935** đồng gây khó khăn lớn cho công tác thanh khoản của công ty. Hiện nay xưởng bê tông dừng hoạt động kiến nghị giám đốc công ty:

- Có giải pháp sử dụng ngay lượng hàng hóa tồn kho cho các dự án đang thi công hoặc thanh lý để thu hồi về số tiền 2.976.142.165 đồng, nhất là 912 tấn xi măng không thể để tồn kho lâu được.
- Triển khai ngay các giải pháp mạnh để thu hồi khoản công nợ của các hộ cá nhân mua bê tông nhưng không chịu trả tiền còn tồn đọng từ các năm trước số tiền còn nợ 1.632.284.770 đồng.
- Xem xét trách nhiệm của xưởng trưởng và cán bộ vật tư trong công tác mua sắm vật tư hàng hóa không căn cứ và thực tế thi công

CONTROL BOARD

VIII. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.

1) Đối với hội đồng quản trị.

- Phối hợp với Ban Giám đốc thực hiện tốt các công tác như công bố thông tin theo định kỳ, nộp các báo cáo tài chính của công ty, báo cáo thường niên và công bố các thông tin bất thường theo quy định; tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2017 vào ngày 20/07/2018.
- Tuy nhiên HĐQT cũng cần phải chủ động và có các giải pháp cụ thể hơn nữa trong công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.
- Đôi lúc HĐQT chưa có chủ trương, nghị quyết mang tính định hướng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các nghị quyết của HĐQT trong năm 2018 mới mang tính chất sự vụ.

2) Đối với Ban điều hành.

- Ban giám đốc công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Tuy chưa hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, nhưng trong bối cảnh cụ thể Công ty cũng đã có những chuyển biến theo chiều hướng tốt lên và không bị lỗ.
- Có quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ thể hiện qua số liệu sau: Trong năm thu về số tiền 572.621.971.137 đồng. Nợ vay ngân hàng từ 276.943.128.967 đồng xuống còn 92.143.911.947 đồng.
- Ban giám đốc cần phải phối hợp cùng với HĐQT có những giải pháp cụ thể hơn nữa chấm dứt ngay tình trạng gia tăng các khoản nợ khó đòi, xây dựng được kế hoạch phục hồi sản xuất kinh doanh và những giải pháp để ngăn chặn tình trạng thua lỗ sẽ quay trở lại trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

IX. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019.

1. Rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty trước khi trình đại hội đồng cổ đông năm 2019.
2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của công ty.
3. Tham gia xử lý các vấn đề tồn tại liên quan đến những vướng mắc với kiểm toán độc lập Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt ngoại trừ trong báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
4. Phối hợp cùng BGD công ty trong việc xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm Oh ngày 1/1/2019.
5. Phối hợp cùng HĐQT, BGD chuẩn bị tốt báo cáo trình đại hội đồng cổ đông năm 2019.
6. Rà soát thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của công ty.
7. Phối hợp cùng với người đại diện phần vốn của PVC tiến hành rà soát thẩm định kế hoạch thoái phần vốn của PVC tại PVC-IC.

Trân trọng./.

**TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGÔ VĂN TUY

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thành viên HĐQT (Báo cáo)
- BGD (Báo cáo)
- Kế toán trưởng
- Thành viên BKS
- Lưu VT, BKS